

Bản án số: 21/2018/DS - ST.

Ngày: 15 - 11 - 2018.

V/v “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH S

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Tâm.

2. Ông Lê Hồng Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, Tỉnh S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Tỉnh S tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, Tỉnh S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2018/TLST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, phường L, quận H, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Ngọc N sinh năm 1994 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền số 4113/UQTA – VH.18 ngày 30/7/2018);

Cùng địa chỉ: Số nhà 25/28, đường L, khóm 1, phường L, thành phố S, Tỉnh S (có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh S (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2018 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Ngọc N trình bày:

Nguyên ngày 01/11/2016, Bà Trần Thị K có ký hợp đồng tín dụng số 20161101- 0009256 với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V vay số tiền là 36.991.145 đồng, với lãi suất 4.58%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà K có trách nhiệm thanh toán số tiền 61.741.259 đồng bao gồm cả nợ gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, trong 23 tháng đầu mỗi tháng trả 2.574.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.539.259 đồng. Bắt đầu từ ngày 04/12/2016.

Thực hiện hợp đồng, bà K đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng được 01 lần với tổng số tiền đã trả là 2.586.000 đồng. Kể từ ngày 07/12/2016 đến nay, bà K không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Nay Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V buộc bị đơn Bà Trần Thị K phải thanh toán cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V tổng số tiền là 59.155.259 đồng (trong đó tiền vay gốc còn lại là 36.112.572 đồng và tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính đến ngày 30/7/2018 là 23.042.687 đồng). Ngoài ra, không yêu cầu tính phần lãi nào khác.

- Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà Trần Thị K phải có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V số tiền là 59.155.259 đồng (trong đó tiền gốc là 36.112.572 đồng và tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng là 23.042.687 đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 81/TB-TLVA ngày 16/8/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập số 81 ngày 12/9/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập số 82 ngày 22/9/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử số 62/2018/QĐXXST-DS, giấy triệu tập số 82 ngày 08/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST – DS ngày 31/10/2018 nhưng vẫn không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bà Trần Thị K.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 36.112.572 đồng. Xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp cho Tòa án “ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161101- 0009256” đề ngày 01/11/2016 được ký kết giữa Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V và Bà Trần Thị K, theo nội dung hợp đồng bà L có vay của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V số tiền là 36.991.145 đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, phương thức cho vay là trả góp, có chữ ký của bị đơn và hợp đồng được chứng thực hợp pháp. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân HUYỆN L có gửi thông báo về việc thụ lý cho bị đơn và pho to các tài liệu chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trả lời, bị đơn đều vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ vay và từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh và không đưa ra chứng cứ để phủ nhận hay phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định bị đơn có vay của nguyên đơn) số tiền là 36.991.145 đồng tiền gốc, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân là có căn cứ. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thừa nhận bị đơn trong quá trình thực hiện hợp đồng đã thanh toán cho nguyên đơn 878.573 đồng tiền gốc nên đối chiếu với Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn lại là 36.112.572 đồng là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn 23.042.687 đồng tính đến ngày 30/7/2018. Tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161101- 0009256 đề ngày 01/11/2016 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 4.58%/tháng, hình thức trả góp cụ thể theo thỏa thuận bị đơn phải trả định kỳ hàng tháng, trả trong vòng 24 tháng tổng số tiền gốc và lãi là 61.741.259 đồng trong đó phần tiền gốc là 36.991.145 đồng và lãi là 24.750.114 đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 1.707.427 đồng tính đến ngày 04/12/2017, phần lãi còn lại là 23.042.687 đồng và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến hay phản đối về phần lãi suất này và lãi suất do hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và

cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính từ ngày 07/12/2016 đến ngày 30/7/2018 là 23.042.687 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền lãi phát sinh trên nợ gốc, lãi quá hạn theo lãi suất thỏa thuận có trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi hoàn tất nợ tính từ ngày 01/8/2018. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu phần lãi suất này chỉ yêu cầu tính phần lãi đến ngày 30/7/2018 là 23.042.687 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không yêu cầu ông Huỳnh Minh H là chồng Bà Trần Thị K phải cùng có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền trên vì số tiền vay là tiêu dùng cá nhân, không sử dụng chung mục đích chi tiêu trong gia đình nên Tòa án không đưa ông Huỳnh Minh H vào tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không buộc ông H phải có trách nhiệm cùng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 59.155.259 đồng (trong đó tiền gốc là 36.112.572 đồng và tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng là 23.042.687 đồng là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc Bà Trần Thị K phải có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V số tiền là 59.155.259 đồng (Năm mươi chín triệu một trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi chín đồng). Trong đó tiền gốc là 36.112.572 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm mười hai nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi là 23.042.687 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi hai đồng sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng Bà Trần Thị K còn phải trả số tiền lãi cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị K phải chịu 2.957.763 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.478.881 (Một triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm tám mươi một nghìn) đồng theo biên lai số 0004464 ngày 14/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh S xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu (HS,VP).

DƯƠNG THỊ THANH HOA